

# **Công ty Cổ phần Đầu tư Vua Nệm**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



# Công ty Cổ phần Đầu tư Vua Nệm

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



# Công ty Cổ phần Đầu tư Vua Nệm

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 33

# Công ty Cổ phần Đầu tư Vua Nệm

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Vua Nệm (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0314594467 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 8 năm 2017 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 ngày 8 tháng 3 năm 2024.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ tư vấn và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp. Thông tin chi tiết về hoạt động chính của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 1 của báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1031, Hậu Giang, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Tuấn Anh	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 7 tháng 2 năm 2024
Ông Nguyễn Vũ Nghĩa	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 7 tháng 2 năm 2024
Ông Nguyễn Vũ Nghĩa	Thành viên	bổ nhiệm ngày 7 tháng 2 năm 2024
Bà Đỗ Thị Khánh Vân	Thành viên	bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Thành viên	bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2024
Bà Nguyễn Minh Phương	Thành viên	miễn nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2024
Ông Robert Alan Willett	Thành viên	miễn nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2024

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Minh Cường	Trưởng ban kiểm soát	bổ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2023
Bà Chu Thùy Trang	Trưởng ban kiểm soát	miễn nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2023
Bà Lương Thùy Phương Linh	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên	

### BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 7 tháng 2 năm 2024
Ông Hoàng Tuấn Anh	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 7 tháng 2 năm 2024

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Hoàng Tuấn Anh. Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Tổng Giám đốc Công ty được Ông Hoàng Tuấn Anh ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy Ủy quyền số 01/2024/GUQ-ĐTVN ngày 7 tháng 2 năm 2024.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Đầu tư Vua Nệm

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Vua Nệm ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc: 



\_\_\_\_\_  
Nguyễn Thị Thanh Huyền  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 4 năm 2024

Số tham chiếu: 11946027/66922703-HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Vua Nệm**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Vua Nệm (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Công ty và các công ty con”) được lập ngày 22 tháng 4 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 33, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi Nhánh Hà Nội



Trịnh Xuân Hòa  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0754-2023-004-1

Nguyễn Thu Hằng  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3342-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 23 tháng 4 năm 2024

118/10  
3/21

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>209.316.997.836</b>	<b>374.776.614.989</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>5</b>	<b>15.291.520.469</b>	<b>58.641.796.487</b>
111	1. Tiền		15.291.520.469	58.641.796.487
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>67.549.168.000</b>	<b>102.039.056.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	67.549.168.000	102.039.056.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>24.475.979.187</b>	<b>49.974.727.939</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	5.249.589.117	1.507.538.882
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	7.133.674.613	26.080.201.525
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	12.092.715.457	22.386.987.532
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>91.181.124.194</b>	<b>141.097.461.615</b>
141	1. Hàng tồn kho	9	91.181.124.194	141.097.461.615
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>10.819.205.986</b>	<b>23.023.572.948</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	9.957.495.423	22.353.047.651
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		861.710.563	670.525.297
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>101.868.440.836</b>	<b>160.998.575.748</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>15.607.895.973</b>	<b>18.100.354.500</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	15.607.895.973	18.100.354.500
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>37.388.265.335</b>	<b>56.552.702.408</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	32.247.578.533	49.787.532.703
222	Nguyên giá		54.555.191.506	63.740.543.097
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(22.307.612.973)	(13.953.010.394)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	5.140.686.802	6.765.169.705
228	Nguyên giá		14.405.743.211	14.399.023.211
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(9.265.056.409)	(7.633.853.506)
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>48.872.279.528</b>	<b>86.345.518.840</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	48.872.279.528	86.345.518.840
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>311.185.438.672</b>	<b>535.775.190.737</b>





BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>308.893.539.415</b>	<b>442.441.227.103</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>308.893.539.415</b>	<b>298.105.877.033</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	56.712.365.799	62.973.103.651
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.381.927.194	4.977.997.601
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	13.572.941.883	9.292.103.333
314	4. Phải trả người lao động		14.722.238.423	23.157.838.377
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	13.692.784.038	34.307.089.233
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		449.399.998	15.999.999
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	2.179.839.384	1.398.201.238
320	8. Vay ngắn hạn	17	205.182.042.696	161.983.543.601
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	<b>144.335.350.070</b>
338	1. Vay dài hạn	17	-	144.335.350.070
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>2.291.899.257</b>	<b>93.333.963.634</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>2.291.899.257</b>	<b>93.333.963.634</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		48.545.680.000	45.995.330.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		48.545.680.000	45.995.330.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		241.700.320.000	244.250.670.000
421	3. Lỗ lũy kế		(287.953.146.955)	(196.914.214.837)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước		(196.914.214.837)	(131.100.477.837)
421b	- Lỗ năm nay		(91.038.932.118)	(65.813.737.000)
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		(953.788)	2.178.471
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>311.185.438.672</b>	<b>535.775.190.737</b>

  
Nguyễn Thanh Thủy  
Người lập

  
Nguyễn Thanh Thủy  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thị Thanh Huyền  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	731.074.405.707	969.189.148.605
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	731.074.405.707	969.189.148.605
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	(311.183.861.120)	(464.303.526.513)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		419.890.544.587	504.885.622.092
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	3.937.860.399	6.563.576.978
22	7. Chi phí tài chính	21	(40.726.895.744)	(31.903.863.613)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu		(40.468.634.173)	(30.894.923.405)
25	8. Chi phí bán hàng	22	(330.952.229.890)	(386.719.688.175)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(126.836.064.328)	(155.660.602.065)
30	10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(74.686.784.976)	(62.834.954.783)
31	11. Thu nhập khác	23	3.172.331.002	3.569.173.126
32	12. Chi phí khác	23	(19.527.610.403)	(6.549.047.916)
40	13. Lỗ khác	23	(16.355.279.401)	(2.979.874.790)
50	14. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(91.042.064.377)	(65.814.829.573)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	-	-
60	16. Lỗ sau thuế TNDN		(91.042.064.377)	(65.814.829.573)
61	17. Lỗ sau thuế của công ty mẹ		(91.038.932.118)	(65.813.737.000)
62	18. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(3.132.259)	(1.092.573)
70	19. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	28	(18.753)	(13.557)
71	20. Lỗ suy giảm trên cổ phiếu	28	(18.753)	(13.557)



Nguyễn Thanh Thủy  
Người lập

Nguyễn Thanh Thủy  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Huyền  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lỗ kế toán trước thuế</b>		<b>(91.042.064.377)</b>	<b>(65.814.829.573)</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	10,11	13.112.163.276	9.805.538.258
05	Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư		1.015.575.606	(2.797.190.318)
06	Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu		40.468.634.173	30.149.014.313
08	<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(36.445.691.322)</b>	<b>(28.657.467.320)</b>
09	Giảm các khoản phải thu		26.958.808.802	43.719.849.956
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		49.916.337.421	(53.070.782.621)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(29.961.509.675)	42.874.111.808
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		49.868.791.540	(80.895.344.946)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		-	14.951.321.820
14	Tiền lãi vay đã trả		(35.229.601.029)	(27.658.391.453)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>25.107.135.737</b>	<b>(88.736.702.756)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(793.361.000)	(39.644.436.562)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		416.281.433	-
23	Tiền chi cho vay		(37.000.000.000)	(50.000.000.000)
24	Tiền thu về cho vay		72.798.056.000	11.107.944.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi		2.695.389.650	4.597.689.727
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>38.116.366.083</b>	<b>(73.938.802.835)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		68.703.516.983	405.089.132.009
34	Tiền trả nợ gốc vay		(175.277.294.821)	(230.000.822.778)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính</b>		<b>(106.573.777.838)</b>	<b>175.088.309.231</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(43.350.276.018)</b>	<b>12.412.803.640</b>
60	Tiền đầu năm		58.641.796.487	46.228.992.847
70	Tiền cuối năm	5	15.291.520.469	58.641.796.487

Nguyễn Thanh Thủy  
Người lập

Nguyễn Thanh Thủy  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Huyền  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 4 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Đầu tư Vua Nệm (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0314594467 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 8 năm 2017 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 được cấp ngày 8 tháng 3 năm 2024.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ tư vấn và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1031, Hậu Giang, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 633 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 935 người).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 2 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 2 công ty con). Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ biểu quyết, tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Chúc ngủ ngon	99,99	99,99	Thành phố Hồ Chí Minh	Quản lý các khoản đầu tư
2	Công ty Cổ phần Vua Nệm (i)	99,99	99,99	Hà Nội	Kinh doanh thảm, đệm, chăn, rèm, ga trải giường, gối và sản phẩm dệt may khác.

(i) Công ty nắm giữ gián tiếp công ty con này thông qua một công ty con khác của Công ty là Công ty Cổ phần Chúc ngủ ngon.

**2. NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CƠ BẢN**

**Áp dụng nguyên tắc hoạt động liên tục trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất**

Công ty và công ty con đã phát sinh khoản lỗ thuần cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 với số tiền là 91 tỷ VND và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, lỗ lũy kế của Công ty và các công ty con là 288 tỷ VND. Cũng tại ngày này, tài sản ngắn hạn của Công ty và các công ty con thấp hơn nợ phải trả ngắn hạn với số tiền là 99,6 tỷ VND. Những điều kiện này cho thấy tồn tại sự không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty và các công ty con. Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty và các công ty con phụ thuộc vào việc thu được lợi nhuận từ hoạt động trong tương lai và/hoặc thu xếp nguồn tài chính để phục vụ cho việc trả nợ, bao gồm việc nhận hỗ trợ tài chính, nếu cần thiết, từ cổ đông kiểm soát của Công ty là Future Changer Pte. Ltd.

Dựa trên kế hoạch kinh doanh của Công ty và các công ty con cũng như các kế hoạch huy động nguồn tài chính, Ban Giám đốc của Công ty đã đánh giá rằng Công ty và các công ty con sẽ có đủ nguồn lực để thanh toán các khoản nợ đến hạn và đảm bảo tiếp tục hoạt động trong năm tiếp theo mà không có bất cứ sự gián đoạn nào. Trên cơ sở này, Ban Giám đốc đánh giá rằng việc lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

#### 3.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty và các công ty con theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

#### 3.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

#### 3.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

#### 3.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. CƠ SỞ TRÌNH BÀY** (tiếp theo)

**3.5 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một niên độ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**4.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

**4.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân giá quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

##### **4.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác, sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

##### **4.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

##### **4.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

##### **4.6 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.6 Thuê tài sản (tiếp theo)**

*Trong trường hợp Công ty và các công ty con là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

**4.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	6 năm
Máy móc, thiết bị	4 - 6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm

**4.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**4.9 Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

**4.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

##### **4.11 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

##### **4.12 Các khoản phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

##### **4.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty và các công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày này theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

##### **4.14 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.15 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế và khi doanh thu có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được đo lường bằng giá trị hợp lý của các khoản phải thu, loại trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**4.16 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo phương pháp số dư phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.16 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ trong trường hợp tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức không có khả năng bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

##### **4.17 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

##### **4.18 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty và các công ty con là kinh doanh đệm, chăn, ga, gối với doanh thu trong năm chiếm trên 99% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và các công ty con không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty và các công ty con kinh doanh hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Theo đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty và các công ty con chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý và Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

##### **4.19 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. TIỀN**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	127.531.894	1.628.454.253
Tiền gửi ngân hàng	6.669.235.915	46.527.910.689
Tiền đang chuyển	8.494.752.660	10.485.431.545
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.291.520.469</b>	<b>58.641.796.487</b>

**6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	67.549.168.000	67.549.168.000	102.039.056.000	102.039.056.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>67.549.168.000</b>	<b>67.549.168.000</b>	<b>102.039.056.000</b>	<b>102.039.056.000</b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ 6 - 12 tháng và hưởng lãi suất từ 4,3% đến 7,2%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 4,6% đến 6,7%/năm). Công ty và các công ty con đã sử dụng các khoản tiền gửi có kỳ hạn này làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại như được trình bày tại Thuyết minh số 17.

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	5.249.589.117	1.507.538.882
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.249.589.117</b>	<b>1.507.538.882</b>

**7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Tập đoàn Nệm Kim Cương	1.711.183.508	373.933.209
Công ty Cổ phần Robot Tosy	1.350.360.000	2.700.720.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Trang trí Nội thất Việt Quốc	822.441.700	646.553.521
Các khoản trả trước khác	3.249.689.405	22.358.994.795
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.133.674.613</b>	<b>26.080.201.525</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. PHẢI THU KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
<b>Ngắn hạn</b>				
Tạm ứng cho nhân viên	927.289.647	-	3.150.942.595	-
Phải thu lãi tiền gửi	1.405.670.897	-	1.924.684.108	-
Phải thu về chiết khấu, hỗ trợ từ nhà cung cấp	5.282.337.380	-	14.630.840.684	-
Các khoản phải thu khác	4.477.417.533	-	2.680.520.145	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.092.715.457</b>	<b>-</b>	<b>22.386.987.532</b>	<b>-</b>
<b>Dài hạn</b>				
Tiền đặt cọc thuê văn phòng và cửa hàng	15.607.895.973	-	18.100.354.500	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.607.895.973</b>	<b>-</b>	<b>18.100.354.500</b>	<b>-</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng hóa	88.221.766.087	-	138.211.022.380	-
Hàng mua đang đi đường	2.531.320.738	-	1.360.660.302	-
Nguyên liệu, vật liệu	16.306.172	-	519.674.213	-
Công cụ, dụng cụ	354.027.008	-	764.777.517	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	57.704.189	-	241.327.203	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>91.181.124.194</b>	<b>-</b>	<b>141.097.461.615</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Nguyên giá:	Đơn vị tính: VND		
	Phương tiện vận tải	Máy móc, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quân lý
Số đầu năm	16.297.862.679	43.011.848.221	4.430.832.197
- Mua trong năm	390.141.111	574.427.440	236.557.727
- Thanh lý	(994.753.273)	-	(30.000.015)
- Giảm khác (*)	-	(6.644.205.984)	(1.024.753.288)
- Điều chỉnh sau quyết toán	-	(2.642.070.893)	(51.600.000)
Số cuối năm	15.693.250.517	34.299.998.784	(23.847.704)
		4.561.942.205	63.740.543.097
			1.201.126.278
			(1.024.753.288)
			(6.695.805.984)
			(2.665.918.597)
			54.555.191.506
<b>Trong đó:</b>			
Đã khấu hao hết	892.121.658	3.003.005.754	609.656.718
			4.504.784.130
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>			
Số đầu năm	5.632.930.266	7.044.378.082	1.275.702.046
- Khấu hao trong năm	2.605.814.051	7.675.770.087	877.176.235
- Thanh lý	(922.497.980)	-	(1.123.397)
- Giảm khác (*)	-	(1.877.694.901)	(2.841.516)
Số cuối năm	7.316.246.337	12.842.453.268	2.148.913.368
			22.307.612.973
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	10.664.932.413	35.967.470.139	3.155.130.151
Số cuối năm	8.377.004.180	21.457.545.516	2.413.028.837
			49.787.532.703
			32.247.578.533

(\*) Trong năm, Công ty Cổ phần Vua Nệm đã tiến hành đóng 17 cửa hàng và ghi giảm tài sản là hệ thống bảng hiệu và hệ thống điện của các cửa hàng này với tổng nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế lần lượt là 6,7 tỷ đồng và 1,9 tỷ đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*

*Phần mềm máy  
tính*

**Nguyên giá:**

Số đầu năm	14.399.023.211
- Mua trong năm	328.920.000
- Xóa sổ tài sản	(322.200.000)
Số cuối năm	<u>14.405.743.211</u>

Trong đó:

<i>Đã hao mòn hết</i>	<i>1.082.128.106</i>
-----------------------	----------------------

**Giá trị hao mòn lũy kế:**

Số đầu năm	7.633.853.506
- Hao mòn trong năm	1.953.402.903
- Xóa sổ tài sản	(322.200.000)
Số cuối năm	<u>9.265.056.409</u>

**Giá trị còn lại:**

Số đầu năm	<u>6.765.169.705</u>
Số cuối năm	<u>5.140.686.802</u>

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí thuê cửa hàng, mặt bằng kinh doanh	5.715.622.387	13.253.039.247
Chi phí tiếp thị, quảng cáo trả trước	658.436.953	3.088.751.903
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	83.662.134	2.321.106.739
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.499.773.949	3.690.149.762
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>9.957.495.423</u></b>	<b><u>22.353.047.651</u></b>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí lắp đặt cửa hàng	34.190.288.926	58.344.923.719
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	13.188.363.171	25.924.022.754
Chi phí tiếp thị, quảng cáo trả trước	1.015.875.594	1.669.415.143
Chi phí trả trước dài hạn khác	477.751.837	407.157.224
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>48.872.279.528</u></b>	<b><u>86.345.518.840</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Công ty TNHH Sinomax Việt Nam Polyurethane Technology	9.093.095.491	9.093.095.491	4.150.408.280	4.150.408.280
Công ty TNHH H.A.V.A.S	6.327.181.836	6.327.181.836	-	-
Công ty TNHH Inoac Living Việt Nam	5.080.111.527	5.080.111.527	7.136.628.671	7.136.628.671
Phải trả người bán khác	36.211.976.945	36.211.976.945	51.686.066.700	51.686.066.700
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>56.712.365.799</b>	<b>56.712.365.799</b>	<b>62.973.103.651</b>	<b>62.973.103.651</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế giá trị gia tăng	5.961.395.507	11.604.985.167	(6.647.940.908)	10.918.439.766
Thuế thu nhập cá nhân	3.330.707.826	6.652.833.224	(7.527.762.215)	2.455.778.835
Các khoản thuế, phí khác	-	372.223.282	(173.500.000)	198.723.282
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.292.103.333</b>	<b>18.630.041.673</b>	<b>(14.349.203.123)</b>	<b>13.572.941.883</b>

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trích trước chi phí mua hàng hóa	3.314.509.318	17.655.643.526
Trích trước chi phí quảng cáo	7.444.954.133	12.502.848.889
Trích trước lãi vay	186.271.450	135.528.808
Trích trước khác	2.747.049.137	4.013.068.010
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.692.784.038</b>	<b>34.307.089.233</b>

**16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp và kinh phí công đoàn	1.492.076.171	1.015.758.117
Các khoản phải trả khác	687.763.213	382.443.121
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.179.839.384</b>	<b>1.398.201.238</b>

## Công ty Cổ phần Đầu tư Vua Nệm

B09-DN/HIN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 17. VAY

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>Ngắn hạn</b>							
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 17.1)	113.421.894.044	113.421.894.044	57.703.516.983	(80.277.294.821)	90.848.116.206	90.848.116.206	
Vay cá nhân (Thuyết minh số 17.2)	-	-	11.000.000.000	-	11.000.000.000	11.000.000.000	
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17.3)	48.561.649.557	48.561.649.557	103.333.926.490	(48.561.649.557)	103.333.926.490	103.333.926.490	
	<b>161.983.543.601</b>	<b>161.983.543.601</b>	<b>172.037.443.473</b>	<b>(128.838.944.378)</b>	<b>205.182.042.696</b>	<b>205.182.042.696</b>	
<b>Dài hạn</b>							
Trái phiếu phát hành	144.335.350.070	144.335.350.070	-	(144.335.350.070)	-	-	
	<b>144.335.350.070</b>	<b>144.335.350.070</b>	<b>-</b>	<b>(144.335.350.070)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>306.318.893.671</b>	<b>306.318.893.671</b>	<b>172.037.443.473</b>	<b>(273.174.294.448)</b>	<b>205.182.042.696</b>	<b>205.182.042.696</b>	

# Công ty Cổ phần Đầu tư Vua Nệm

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 17. VAY (tiếp theo)

### 17.1 Các khoản vay ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngân hàng từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Điện Biên Phủ	35.508.785.813	Kỳ hạn vay 6 tháng với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 18 tháng 4 năm 2024. Lãi vay trả hàng tháng.	6,5% - 8,3%	Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Điện Biên Phủ.
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đa	55.339.330.393	Kỳ hạn vay 5 tháng với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 26 tháng 5 năm 2024. Lãi vay trả hàng tháng.	7,2%	Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đa.
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>90.848.116.206</b>			

### 17.2 Vay cá nhân

Đối tượng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Bà Lê Thị Ngọc Oanh	11.000.000.000	Kỳ hạn vay 12 tháng với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 12 tháng 12 năm 2024. Lãi vay trả hàng tháng.	11,5%	Tin chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.000.000.000</b>			

### 17.3 Trái phiếu phát hành đến hạn trả

Đại lý quản lý tài khoản trái phiếu	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	105.000.000.000	Kỳ hạn 24 tháng. Gốc trái phiếu đáo hạn vào ngày 26 tháng 5 năm 2024. Lãi vay trả hàng tháng.	12,5%	Tin chấp
Chi phí phát hành trái phiếu	(1.666.073.510)			
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>103.333.926.490</b>			

# Công ty Cổ phần Đầu tư Vua Nệm

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 18.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Lỗi lũy kế	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
<b>Năm trước:</b>					
Số đầu năm	43.453.840.000	246.792.160.000	(131.100.477.837)	3.271.044	159.148.793.207
- Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần	2.541.490.000	(2.541.490.000)	-	-	-
- Lỗ thuần trong năm	-	-	(65.813.737.000)	(1.092.573)	(65.814.829.573)
Số cuối năm	45.995.330.000	244.250.670.000	(196.914.214.837)	2.178.471	93.333.963.634
<b>Năm nay:</b>					
Số đầu năm	45.995.330.000	244.250.670.000	(196.914.214.837)	2.178.471	93.333.963.634
- Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần (*)	2.550.350.000	(2.550.350.000)	-	-	-
- Lỗ thuần trong năm	-	-	(91.038.932.118)	(3.132.259)	(91.042.064.377)
Số cuối năm	48.545.680.000	241.700.320.000	(287.953.146.955)	(953.788)	2.291.899.257

(\*) Theo Nghị quyết số 05/2023/BB-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông Công ty, Công ty đã phát hành 255.035 cổ phần cho các cán bộ quản lý của Công ty và các công ty con và sử dụng nguồn thặng dư vốn cổ phần để chi trả cho đợt phát hành này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**18.2 Cổ phiếu**

	<i>Số lượng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>4.854.568</b>	<b>4.599.533</b>
<b>Cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>4.854.568</b>	<b>4.599.533</b>
Cổ phiếu phổ thông	4.854.568	4.599.533
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>4.854.568</b>	<b>4.599.533</b>
Cổ phiếu phổ thông	4.854.568	4.599.533
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phần (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10.000 VND/cổ phần).

**18.3 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	<i>Số cuối năm</i>			<i>Số đầu năm</i>		
	<i>Tổng số (VND)</i>	<i>Cổ phần</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>	<i>Tổng số (VND)</i>	<i>Cổ phần</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
Future Changer Pte. Ltd.	32.206.400.000	3.220.640	66,34	32.206.400.000	3.220.640	70,02
Ông Nguyễn Vũ Nghĩa	3.126.160.000	312.616	6,44	2.820.120.000	282.012	6,13
Ông Hoàng Tuấn Anh	3.512.200.000	351.220	7,23	3.053.140.000	305.314	6,64
Các cổ đông khác	9.700.920.000	970.092	19,99	7.915.670.000	791.567	17,21
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>48.545.680.000</b>	<b>4.854.568</b>	<b>100</b>	<b>45.995.330.000</b>	<b>4.599.533</b>	<b>100</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. DOANH THU**

**19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>731.074.405.707</b>	<b>969.189.148.605</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng	729.599.521.803	967.972.513.343
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.474.883.904	1.216.635.262
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>731.074.405.707</b>	<b>969.189.148.605</b>

**19.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi	3.484.544.439	4.612.294.928
Chiết khấu thanh toán	423.085.273	1.951.282.050
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	30.230.687	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.937.860.399</b>	<b>6.563.576.978</b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	311.183.861.120	464.303.526.513
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>311.183.861.120</b>	<b>464.303.526.513</b>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu	40.468.634.173	30.894.923.405
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	239.596.626	221.637.009
Chi phí tài chính khác	18.664.945	787.303.199
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>40.726.895.744</b>	<b>31.903.863.613</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	75.806.120.671	93.006.281.835
Chi phí thuê mặt bằng	119.138.822.679	114.019.746.552
Chi phí quảng cáo	52.657.302.978	94.965.418.794
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.946.787.335	74.896.633.832
Chi phí khấu hao, hao mòn	10.375.991.832	7.289.343.744
Chi phí khác	4.027.204.395	2.542.263.418
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>330.952.229.890</b>	<b>386.719.688.175</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	63.792.955.429	71.871.839.830
Chi phí khấu hao, hao mòn	2.736.171.444	3.468.607.059
Chi phí định vị thương hiệu	6.119.630.997	30.306.229.447
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.729.949.423	46.799.056.037
Chi phí khác	4.457.357.035	3.214.869.692
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>126.836.064.328</b>	<b>155.660.602.065</b>

**23. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu từ phạt, bồi thường	1.094.690.578	1.298.487.073
Thu nhập khác	2.077.640.424	2.270.686.053
	<b>3.172.331.002</b>	<b>3.569.173.126</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí hủy, thanh lý TSCĐ và công cụ, dụng cụ	15.729.511.378	2.531.338.533
Chi phí khác	3.798.099.025	4.017.709.383
	<b>19.527.610.403</b>	<b>6.549.047.916</b>
<b>LỖ KHÁC THUẦN</b>	<b>(16.355.279.401)</b>	<b>(2.979.874.790)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí mua hàng hóa	311.183.861.120	464.303.526.513
Chi phí dịch vụ mua ngoài	300.990.744.995	364.275.257.172
Chi phí nhân công	139.599.076.100	164.878.121.665
Chi phí khấu hao và hao mòn	13.112.163.276	9.805.538.258
Chi phí khác	4.086.309.847	4.167.282.237
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>768.972.155.338</b>	<b>1.007.429.725.845</b>

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

**25.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") của Công ty và các công ty con là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lỗ kế toán trước thuế	(91.042.064.377)	(65.814.829.573)
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	(18.208.412.875)	(13.162.965.915)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí lãi vay không được khấu trừ theo Nghị định 132/NĐ-CP	6.359.213.507	5.194.474.267
Chi phí không được khấu trừ thuế khác	76.213.179	339.390.204
Tài sản thuế TNDN hoãn lại không ghi nhận liên quan đến lỗ tính thuế	11.772.986.189	7.629.101.444
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**25.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập/(lỗ) chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập/(lỗ) chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập/(lỗ) chịu thuế được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập/(lỗ) chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**25.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

**Lỗi chuyển sang từ năm trước**

Công ty và các công ty con được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty và các công ty con có các khoản lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (**)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2023	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2023
2018	2023	160.711.644.586 (*)	(9.710.316.392)	151.001.328.194	-
2019	2024	101.496.621.968 (*)	-	-	101.496.621.968
2020	2025	88.454.800.026 (*)	-	-	88.454.800.026
2022	2027	147.438.065.840	-	-	147.438.065.840
2023	2028	215.387.901.241	-	-	215.387.901.241
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>713.489.033.661</b>	<b>(9.710.316.392)</b>	<b>151.001.328.194</b>	<b>552.777.389.075</b>

(\*) Công ty Cổ phần Vua Nệm đã thực hiện quyết toán thuế với cơ quan thuế địa phương đến hết năm tài chính 2021.

(\*\*) Đây là các khoản lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty và các công ty con và chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty và các công ty con chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản lỗ lũy kế nêu trên do không thể dự tính lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

**Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định**

Công ty và các công ty con được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty và các công ty con có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm	Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh (**)	Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 31/12/2023	Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 31/12/2023	Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 31/12/2023
2018	2023	319.509.762 (*)	-	(319.509.762)	-
2019	2024	1.731.624.394 (*)	-	-	1.731.624.394
2020	2025	50.271.752 (*)	-	-	50.271.752
2022	2027	25.972.371.335	-	-	25.972.371.335
2023	2028	31.796.067.533	-	-	31.796.067.533
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>59.869.844.776</b>	<b>-</b>	<b>(319.509.762)</b>	<b>59.550.335.014</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**25.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận (tiếp theo)**

**Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định (tiếp theo)**

(\*) Công ty Cổ phần Vua Nệm đã thực hiện quyết toán thuế với cơ quan thuế địa phương đến hết năm tài chính 2021.

(\*\*) Đây là các khoản chi phí lãi vay không được trừ thuế TNDN ước tính theo tờ khai thuế của Công ty và các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này. Công ty và các công ty con chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chi phí lãi vay nêu trên do tính không chắc chắn của lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.

**26. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và/hoặc có giao dịch trọng yếu với Công ty và các công ty con trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Future Changer Pte. Ltd.	Cổ đông kiểm soát
Ông Nguyễn Vũ Nghĩa	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Ông Hoàng Tuấn Anh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Minh Phương	Thành viên HĐQT
Ông Robert Alan Willett	Thành viên HĐQT

Thu nhập của các thành viên HĐQT và Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
		<i>Thu nhập (*)</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Ông Nguyễn Vũ Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	900.000.000	960.000.000
Ông Hoàng Tuấn Anh	Tổng Giám đốc	1.201.000.000	1.308.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.101.000.000</b>	<b>2.268.000.000</b>

(\*) Bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác.

**27. CÁC CAM KẾT**

Công ty và các công ty con hiện đang thuê các cửa hàng bán hàng và văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	112.849.887.735	86.231.185.625
Từ 1 đến 5 năm	245.320.036.513	233.509.847.453
Trên 5 năm	4.329.888.000	9.288.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>362.499.812.248</b>	<b>329.029.033.078</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 28. LỖ TRÊN CỔ PHIẾU

Lỗ cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lỗ sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lỗ suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lỗ cơ bản và lỗ suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lỗ sau thuế TNDN của công ty mẹ	(91.038.932.118)	(65.813.737.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
<b>Lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b>(91.038.932.118)</b>	<b>(65.813.737.000)</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	4.854.568	4.854.568
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>4.854.568</b>	<b>4.854.568</b>
<b>Lỗ trên cổ phiếu</b>		
- Lỗ cơ bản (*)	(18.753)	(13.557)
- Lỗ suy giảm (*)	(18.753)	(13.557)

(\*) Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông cho năm 2022 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 để phản ánh ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần được thực hiện trong năm 2023 như được trình bày tại Thuyết minh số 18.1.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất.

## 29. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chi tiết số lượng từng loại ngoại tệ tính theo nguyên tệ:

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	241.5	254.7

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con.

  
Nguyễn Thanh Thủy  
Người lập

  
Nguyễn Thanh Thủy  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thị Thanh Huyền  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 4 năm 2024

